

**Tập 56**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản trang bảy mươi tư:

*(Sớ) Nhược cứ bình đẳng pháp môn, phi cầu phi tịnh, tác hân yếm vô địa, Chiết Nhiếp hà thi? Dẫn kim sanh tử phàm phu, mê tâm trực cảnh, bị lịch luân hồi, đầu xuất đầu một, cam tâm nhẫn thọ, tăng vô nhất niệm tỉnh phát phần lệ, cầu nguyện xuất ly, nhi phục giá kỳ hân yếm, dục linh trực ngộ tự tâm, thị do điền oa tỉnh phụ, bất dữ chi thủy, nhi phân trách dĩ xung tiêu, chỉ ích trầm luân, ư sự hà tế?*

(疏)若據平等法門，非垢非淨，則欣厭無地，折攝何施。但今生死凡夫，迷心逐境，備歷輪迴，頭出頭沒，甘心忍受，曾無一念省發奮勵，求願出離，而復遮其欣厭，欲令直悟自心，是猶田蛙井鮒，不與之水，而反責以沖霄，祇益沈淪，於事何濟。

*(Sớ: Nếu dựa trên pháp môn bình đẳng chẳng cầu, chẳng tịnh thì ưa thích và chán nhàm chẳng còn chỗ tồn tại, hai môn Chiết và Nhiếp thi thố vào đâu? Chỉ vì hàng phàm phu sanh tử hiện thời, mê tâm đuổi theo cảnh, trải đủ mọi nỗi luân hồi, thoát ra, thoát vào, cam tâm chịu đựng, chưa hề có một niệm phần tỉnh, phát tâm dũng mãnh, cầu nguyện thoát lìa. Thế nhưng lại ngăn lấp cái tâm ưa - chán [của họ], mà cứ muốn làm cho họ ngộ trực tiếp cái tâm thì sẽ giống như chẳng ban nước cho con ếch ngoài đồng hay con cá diếc dưới giếng, lại ngược ngạo trách chúng chẳng thể tung mình vọt lên tận trời thăm. [Hóa độ kiểu đó] chỉ càng [làm cho kẻ phàm phu sanh tử] tăng thêm trầm luân, có ích gì đâu?)*

Đây là phần giải thích cho nhân duyên thứ ba trong phần trước. Phật pháp là pháp bình đẳng, nhưng trong pháp bình đẳng, đức Phật vì chúng ta mà phương tiện nói ra rất nhiều pháp môn bất bình đẳng. Nói “bất bình đẳng” là vì trong con mắt thịt của lũ phàm phu chúng ta thấy dường như [những pháp môn ấy] bất bình đẳng, chứ thật ra, chúng là bình đẳng. Vì sao? Chúng được kiến lập trên tánh bình đẳng. Đoạn Sớ này đã giảng rất rõ vì sao chúng ta thấy [những pháp môn ấy] bất bình đẳng? Vì tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Chúng ta dùng tri kiến phàm

phu để nhìn Phật thì Phật cũng là phàm phu, mắt Phật nhìn chúng sanh, thấy phàm phu đều là chư Phật. Tình hình khác biệt phát sanh từ chỗ này! Do vậy, nói chân thật thì [mọi pháp đều] bình đẳng.

Trong pháp bình đẳng chẳng có cấu hay tịnh. Nếu nói thế giới Sa Bà là một thế giới cấu uế, thế giới Cực Lạc là thế giới thanh tịnh, đó là nói phương tiện. Còn nói chân thật, sẽ chẳng có [cấu uế hay thanh tịnh], chắc chắn không có tình hình ấy. Chẳng những không nói đến nhiễm, ngay cả tịnh cũng chẳng có. Vì sao? [Biện định là] nhiễm hay tịnh tức là đã lập ra tương đối. Không có nhiễm, lẽ đâu có tịnh? Không có tịnh, đương nhiên cũng chẳng có nhiễm! Những điều này hoàn toàn là những hiện tượng do tâm địa của chính mình mê hay ngộ mà sanh ra. Giác ngộ rồi thì phảng phất là hết thấy thanh tịnh<sup>1</sup>. Khi nhiễm ô, dường như hết thấy đều dơ xấu! Đấy đều là huyền tướng sanh từ kiến giải lầm lạc của chúng sanh, chẳng phải là chân tướng. Chân tướng là tướng bình đẳng.

Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy cảnh giới của Phật và các đại Bồ Tát là Nhất Chân pháp giới, đấy là thật, còn mười pháp giới chẳng chân thật. Mười pháp giới đều là nói phương tiện. Đừng nói lục đạo phàm phu, ngay cả Phật [pháp giới trong mười pháp giới] cũng là nói phương tiện. Vì sao? Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có Phật mà cũng chẳng có chúng sanh. Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này, vì đối với chúng sanh mới nói Phật, đối với Phật mới nói có chúng sanh. Không có chúng sanh, sẽ chẳng có Phật. Không có Phật, cũng chẳng có chúng sanh. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã diễn tả ý nghĩa này như sau: “*Vốn chẳng có một vật*”. Trong tâm thanh tịnh chẳng có một vật nào; đó mới gọi là thật sự thanh tịnh. Nếu cảm thấy ta rất thanh tịnh, thôi rồi! Trong cái tâm thanh tịnh có thêm một sự thanh tịnh, sự thanh tịnh ấy chính là “*có vật*”; sự thanh tịnh ấy chẳng phải là thanh tịnh nữa. Vật ấy là gì vậy? Vô minh đấy!

Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bản*” (từ trên tri kiến lập thêm một cái biết, đó là cội gốc của vô minh). Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni: “Vô minh vì sao mà có? Vô minh sanh ra khi nào?” Trong kinh Phật cũng thường nói “*vô thi vô minh*”. Lời nói này hết sức có ý vị, “*vô thi*” là không có mở đầu. Vì không có mở đầu, nên vô minh là hư vọng, chẳng chân thật. Nếu thật sự có mở đầu, chuyện ấy sẽ phiền phức, chẳng dễ gì

---

<sup>1</sup> Nói là “phảng phất” vì phải đạt đến Phật quả mới thật sự thấy hết thấy pháp đều thanh tịnh. Từ Đẳng Giác trở xuống, do vẫn còn vi tế vô minh nhiều hay ít, nên chưa thể thấy hết thấy các pháp thanh tịnh trọn vẹn như Phật được.

đoạn được; bởi lẽ, mê không có khởi đầu, ngộ là vốn có, còn mê chẳng có mở đầu. Nói cách khác, mê hoàn toàn là hư vọng.

Pháp bình đẳng là thật, thuần chân, chẳng vọng. Nếu chúng ta hỏi pháp bình đẳng ở chỗ nào? Tôi thưa cùng quý vị: Nếu trong cảnh giới, quý vị sử dụng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm thì cảnh giới hiện tiền là pháp bình đẳng. Vọng tâm là gì? Vọng tâm là tâm sanh diệt. Cái tâm hiện thời của chúng ta là “ý niệm này khởi lên, ý niệm kia diệt mất”. Ý niệm sanh diệt gọi là “sanh diệt tâm”. Tâm sanh diệt là hư vọng, chúng ta lập tức có thể thấu hiểu [điều này]. Ví như nay chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, chẳng dùng cái tâm sanh diệt có được hay chẳng? Chẳng dùng cái tâm sanh diệt thì chúng ta có thấy cảnh giới bên ngoài rõ ràng hay chẳng? Nghe có rõ ràng hay chẳng? Thứ gì cũng thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, tức là dùng chân tâm.

Chân tâm thì ví như kinh Lăng Nghiêm đã lấy Nhãn Căn trong sáu căn để làm tỷ dụ, Nhãn Căn thấy sắc, tánh Thấy của Nhãn Căn là chân tâm. Nơi mắt là tánh Thấy, nơi tai là tánh Nghe; căn tánh của sáu căn là chân tâm. Dùng chân tâm thì pháp giới bình đẳng. Dùng chân tâm, không có phân biệt, không có chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Vì thế, con mắt thấy sắc tướng bên ngoài, ý niệm thứ nhất là chân tâm, không dấy lên phân biệt, không động ý niệm, đó là chân tâm. Đến ý niệm thứ hai, vọng tâm dấy lên, nổi lên phân biệt, dấy lên chấp trước. Vì thế, ý niệm thứ hai là mê. Ý niệm thứ nhất chẳng mê, ý niệm thứ hai là mê, càng về sau mê càng sâu. Hễ thấy [sắc tướng, hay sự tình] mà hoan hỷ, tâm tham dấy lên; [còn như thấy sắc tướng hay sự việc] chẳng ưa thích, tâm sân khuể nổi lên. Một chuỗi những Tâm Sở tương ứng liên đới sanh khởi! Vọng tâm đã là hư vọng thì những Tâm Sở liên đới càng hư vọng hơn! Quý vị phải biết: Mừng, giận, buồn, vui, thất tình. Ngũ Dục là những thứ hư vọng nhất trong các thứ hư vọng, trong chân tâm của chúng ta vốn không có những thứ này, vốn chẳng có một vật mà!

Chư Phật, Bồ Tát khác với chúng ta, các Ngài hoàn toàn dùng niệm thứ nhất, chẳng dùng niệm thứ hai. Niệm thứ nhất gọi là nhất tâm. Pháp môn này tu nhất tâm bất loạn, trực tiếp tu nhất tâm. Chỗ thù thắng của pháp môn này là ở chỗ này, không quanh quẹo vòng vo. Nếu trong hết thấy cảnh giới, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thời thời khắc khắc giữ vững niệm thứ nhất, chẳng bao lâu quý vị sẽ làm Phật, sẽ thành Phật. Chính vì tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay của chúng ta quá nặng, nên chẳng giữ được niệm thứ nhất, vừa tiếp xúc, niệm thứ hai bèn nhanh chóng nổi lên, lập tức mê ngay, dấy lên phân biệt, chấp trước,

khởi tham, sân, si, mạn. Hiểu rõ đạo lý này, nó chẳng phải thật, mà là vọng, làm lẫn mong sao “vọng” chẳng sanh, thì nó càng khẳng khẳng sanh ra, chúng ta muốn đoạn dứt cách nào, vẫn chẳng thể đoạn dứt được! Phiền não ở chỗ này, mà gốc bệnh cũng ở chỗ này!

Pháp môn này dạy chúng ta phương pháp niệm Phật, tức là hễ ý niệm dấy lên, bất luận là ý niệm gì, thiện niệm cũng thế, mà ác niệm cũng thế. Nói chung, thiện hay ác đều chẳng phải là chánh niệm, đều là những thứ thuộc về vô minh. Chánh niệm là vô niệm; vô niệm thì cảnh giới bên ngoài lại càng rõ ràng, sống động, chứ không phải là lặng lẽ, chết cứng. Dùng phương pháp nào? Dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế [ý niệm ấy]. Câu Phật hiệu ấy là niệm gì vậy? Vẫn là vọng niệm. Trong tâm thanh tịnh đâu có A Di Đà Phật! Bởi thế, một niệm [A Di Đà Phật] này vẫn là vọng niệm; phương pháp [Niệm Phật] là dùng một vọng niệm để thay thế hết thảy vọng niệm, dùng một niệm dứt hết thảy vọng niệm, sử dụng phương pháp này!

Ngoài việc thay thế hết thảy vọng niệm ra, một câu A Di Đà Phật còn có hai thứ công đức:

- Công đức thứ nhất là nhắc nhở chính mình hãy chánh niệm, vì Nam-mô A Di Đà Phật là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “quy y Vô Lượng Giác”. Nói cách khác, thường nhắc nhở chính mình phải giác, đừng mê! Giác tâm bất động, giác tâm là thanh tịnh; mê mới vọng động. Vì thế, niệm một câu Phật hiệu này hòng nhắc nhở chính mình, tâm chúng ta làm sao còn động nữa?

- Công đức thứ hai là ở Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có một vị Phật, danh hiệu của Ngài là A Di Đà Phật. Theo như kinh nói, trong khi tu nhân, Ngài đã từng phát nguyện, kiến lập một đạo tràng tu hành như thế đó trong thế giới ấy, hoan nghênh các đồng tu niệm Phật trong mười phương đều đến nơi đó tấn tu. Ngài có lời nguyện như thế. Hơn nữa, đạo tràng ấy đã kiến lập xong, là thật, chẳng phải giả. Vì thế, chúng ta niệm Phật hiệu của Ngài sẽ có duyên với Ngài; đây là như chúng tôi đã nói: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là tham dự cộng tu trong đạo tràng ấy.

Trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói đến sự trang nghiêm thù thắng nơi đạo tràng ấy và tình hình tu tập trong bao kiếp của A Di Đà Phật khi Ngài còn đang tu nhân, đều nói rất rõ ràng, minh bạch. Nếu chúng ta thật sự liễu giải, không những là đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới tin sâu chẳng ngờ, mà sau đó, chính mình quả thật cũng nắm chắc và có tín tâm đối với sự tu hành. Tu học như vậy mới thật sự đạt

đến “liạ khổ, được vui”, thật sự đạt đến pháp hỷ sung mãn. Nỗi vui sướng ấy sanh từ cái tâm thanh tịnh, chứ không phải do Ngũ Dục Lục Trần bên ngoài kích thích. Do vậy, pháp môn này là pháp trực tiếp đề cầu bình đẳng, trực tiếp tu Nhất Chân pháp giới. Vì thế, Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới đồng thời tồn tại.

Thật ra, pháp giới chẳng có chân hay vọng. Chân hay vọng là do chính cái tâm của chúng ta biến hiện. Chúng ta dùng chân tâm để nhìn thế giới này, thế giới này sẽ là chân thật, là Nhất Chân pháp giới, là pháp giới bình đẳng. Trong ấy không có tịnh hay uế, tất cả hết thảy tương đối, cao, thấp, thảy đều chẳng tồn tại. Đó gọi là “*bình đẳng chân pháp giới*”. Chúng ta vừa dấy lên một niệm, chân pháp giới (Nhất Chân pháp giới) ngay lập tức biến thành các thứ pháp giới chẳng bình đẳng. Đức Phật nói lời chân thật: “*Cảnh chuyển theo tâm*”, chứ không phải là tâm chúng ta chuyển theo cảnh! Chúng ta dùng chân tâm sẽ thấy chân pháp giới; dùng vọng tâm sẽ thấy tứ thánh lục phàm; nhưng Nhất Chân pháp giới vĩnh viễn không biến đổi, tứ thánh lục phàm có thể biến, thuận theo cái tâm của chúng ta mà thay đổi.

Nếu nói đến công phu tu hành của chúng ta thì Thiền gia nói “*minh tâm kiến tánh*”, tánh là gì? Tánh ở đâu? Tánh có hình dạng ra sao? “*Minh*” là chẳng mê. Minh và Vô Minh là tương đối kiến lập. Cái tâm hiện thời của chúng ta là vô minh, do vô minh nên mới sanh phiền não, mới sanh ra các thứ chướng ngại, mới biến hiện lục đạo luân hồi. Chúng đều từ trong vô minh biến hiện ra! Nếu trừ bỏ vô minh, sẽ minh, tức là minh tâm, trong tâm đã khử sạch vô minh, tâm quý vị liền khôi phục sự sáng suốt. Nói cách khác, giác chứ không mê bèn gọi là “*minh tâm*”. Hễ minh tâm sẽ kiến tánh. Tánh là thuần chân, chẳng vọng. Tánh là gì? Không có một thứ gì chẳng phải là tánh. Sáu căn, sáu trần, sáu thức đều cùng là Pháp Tánh, đúng như cổ nhân đã sánh ví: “*Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng*”. Hễ quý vị biết giá trị, mới biết tất cả những món đồ vốn đều là vàng. Cổ nhân ví những món đồ ấy như Tượng, tức những tượng được hiện như sâm la vạn tượng, nhân sinh, vũ trụ; vàng ví như Tánh. Tánh và Tượng là một, không hai; bản thể của sâm la vạn tượng trong tận hư không, trọn pháp giới là Tánh. Tượng trạng của Tánh gọi là Tượng. Do vậy, Tánh và Tượng chẳng hai, Lý và Sự hết như một, là một, không phải hai!

Nay chúng ta đang mê, tách rời Tánh và Tượng, chấp vào Tượng. Chấp Tượng chẳng thấy Tánh, căn bệnh ở chỗ này. Ví như tôi hỏi quý vị, trong nhà quý vị có vàng hay không?

[Quý vị đáp]: - Không có!

- Thật sự là không có ư? Quý vị có vòng đeo tay, có nhẫn hay chẳng?

- Rất nhiều!

- Rất nhiều ư? Vậy chúng chẳng phải là vàng thì là gì vậy? Chấp vào Tướng! Vòng đeo tay, nhẫn, đồ trang sức cài đầu rất nhiều, nhưng không có vàng?

Phàm phu chúng ta hiện thời mê hoặc đến mức độ ấy, tách rời hiện tượng ra [khỏi bản chất], đây là mê hoặc, điên đảo! Bởi vậy, cuộc sống của người kiến tánh hết sức hoạt bát, hết sức tự tại, cho nên gọi là giải thoát, gọi là tự tại! Họ thật sự nhận biết chính mình, tận hư không trọn pháp giới là chính mình. Đó là cảnh giới hết sức kỳ diệu, chúng ta không có cách nào lý giải được. Vì thế, trong kinh Phật thường dùng tỷ dụ, mong chúng ta sẽ từ tỷ dụ mà thấu hiểu, ngộ nhập.

Kinh Phật thường lấy mộng làm tỷ dụ. Tỷ dụ mộng cảnh quả thật đã ban cho chúng ta một sự khảo thị rất lớn vì mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng. Thời gian nằm mộng rất ngắn, cho nên quý vị tỉnh giấc liền biết nó là giả, chẳng thật. Nếu giấc mộng rất dài, quý vị sẽ chẳng cảm thấy mộng là giả, nhất định ngỡ nó là thật. Do thời gian rất ngắn, khi quý vị tỉnh giấc, nhớ lại những chuyện trong mộng, [biết đó] là giả, chẳng thật. Thế nhưng quý vị có nghĩ thêm “giấc mộng ấy do đâu mà có” hay không? Nếu quý vị suy nghĩ đến nơi đến chốn, sẽ thấy giấc mộng ấy từ trong tâm của chính mình biến hiện. Cái tâm biến hiện ấy giống như Tánh, cảnh được biến hiện trong mộng chính là cái mà nay ta gọi là “*y báo và chánh báo trang nghiêm, sâm la vạn tượng*”. Núi, sông, đại địa, hư không trong mộng, rất nhiều nhân vật từ đâu mà có? Đều do tâm của quý vị biến hiện.

Đã do tự tâm của quý vị biến hiện thì chúng ta phải hỏi: Có thứ nào trong mộng cảnh của quý vị chẳng phải là chính mình? Trong mộng có chính quý vị, đúng là chính mình không sai! Ngoài chính mình ra, tất cả những nhân vật khác có phải là chính mình hay không? Vẫn là chính mình, do chính mình biến ra mà! Núi, sông, đại địa trong mộng do chính mình biến ra. Hư không trong mộng cũng do chính mình biến ra, không có thứ gì chẳng phải là chính mình! Vì thế, người thật sự minh tâm kiến tánh, thừa quý vị, nhân sinh quan và vũ trụ quan của người ấy khác hẳn chúng ta, vì sao? Người ấy thật sự thấu hiểu hết thấy các pháp trong tận hư không, trọn pháp giới là do tự tánh của người ấy biến hiện.

Khi Lục Tổ khai ngộ, Ngài hướng về Ngũ Tổ nói ra cảnh giới ngộ nhập của chính mình. Ngài chỉ nói năm câu, Ngũ Tổ liền ấn chứng, tức là Ngài nói về công năng của tự tánh. Tự tánh là chân tâm, công năng của chân tâm là: *“Hà kỳ tự tánh, bốn lai thanh tịnh”* (Nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh) tương ứng với lời Ngài đã nói [trước đó]: *“Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần?”* [Chân tâm] vốn sẵn thanh tịnh, chẳng do tu mà có. Vốn sẵn thanh tịnh, hiện thời là thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh? Vẫn là thanh tịnh, quyết định chẳng như! Nếu quý vị nói là ô nhiễm thì “ô nhiễm” là nói phương tiện, là giả, chẳng thật. Giống như chúng ta nói: “Mây quá dày che lấp ánh mặt trời, hôm nay trời âm u!” Mây có thật sự che lấp mặt trời hay chẳng? Không có! Mây cách mặt trời quá xa, mặt trời quá lớn, mây làm sao có thể che lấp được? Đây là nói phương tiện. Mê là một hiện tượng tạm thời, tự tánh quả thật chẳng mê, vốn sẵn thanh tịnh.

Ngài lại nói: *“Hà kỳ tự tánh, bốn lai cụ túc”* (Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ). Hết thấy trí huệ, hết thấy đức năng, hết thấy tài nghệ, chẳng phải do bên ngoài đưa tới, mà tự tánh vốn sẵn có đủ, đó gọi là Tánh Đức, chẳng phải là Tu Đức. *“Hà kỳ tự tánh, bốn vô dao động”* (Nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động), ý nghĩa này lại càng chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nói “có đến, có đi”; thật ra, chẳng đến, chẳng đi! Không có đến - đi chính là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”*. Không có đến - đi, đó là nói thật. Đến, đi là do quý vị thấy làm, do quý vị mê hoặc. Không có đến, đi! Câu cuối lại càng hay hơn nữa: *“Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp”* (Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra muôn pháp). Giống như chúng ta nằm mộng, trong mộng biến ra các cảnh giới nhiều dường ấy, nó có thể sanh, có thể biến ra.

Do vậy, người giác ngộ đối đãi hết thấy chúng sanh bằng cái tâm bình đẳng, dùng cái tâm đại từ đại bi, vì sao? Là vì ta và người không hai, lợi người là lợi chính mình. Ta và người chẳng phải là hai người, mà là một người, là vật được biến hiện trong tự tánh. Do vậy, lòng từ bi của Phật được gọi là Đồng Thể Đại Bi, nhất là kinh Hoa Nghiêm đã nói rõ ràng: *“Tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Trí”* (Hữu tình và vô tình cùng viên thành Nhất Thiết Chứng Trí). Không chỉ hữu tình chúng sanh có cùng một Thể, mà vô tình chúng sanh vẫn là cùng một Thể. Từ cảnh trong mộng, chúng ta có thể thấu hiểu chuyện này. Thức thứ sáu, tức Ý Thức của chúng ta, khi nằm mộng đã biến hiện mộng cảnh. Sau khi chân tâm của chúng ta bị mê, nó biến hiện ra vũ trụ, tinh cầu, vô lượng vô

biên thế giới, hết thấy chúng sanh, vốn chỉ là một chuyện như vậy đó thôi!

Tự mình biến hiện thì chính mình có thể hưởng dụng. Hễ giác ngộ bèn có sự hưởng dụng thanh tịnh ấy. Nếu mê hoặc, sẽ chịu đựng rất khổ. Ví như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng do chính mình biến hiện, biến hiện để chịu khổ trong đó! Đây là sự thụ dụng do mê muội đến cùng cực. Đối với Phật, Bồ Tát, nhất là chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm, thấy các thứ trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là sự thụ dụng giác ngộ. Hai thứ thụ dụng khác nhau, nói “thụ dụng khác nhau” thì vẫn là dựa theo cái nhìn thuộc cảnh giới phàm phu chúng ta!

Người thật sự giác ngộ sẽ thấy sự thụ dụng trong thiên đường và địa ngục tự tại như nhau, vì sao? Vì người ấy tự biết, tự mình biết, cho nên sự thụ dụng của người ấy là bình đẳng, trong hết thấy cảnh giới chắc chắn không có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Người mê hoặc mới có năm thứ cảm nhận ấy, người giác ngộ sẽ không có. Vì thế, cảm nhận của người giác ngộ gọi là Chánh Thọ, trong kinh Phật gọi [sự cảm nhận của người giác ngộ] là tam-muội. Tam-muội (Samādi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ. Chánh Thọ là trong hết thấy cảnh giới không có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả; sự cảm nhận ấy mới gọi là Chánh Thọ; bởi lẽ, tâm người ấy là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Đây là nói về pháp giới bình đẳng và pháp môn bình đẳng.

Pháp bình đẳng nói với ai? Phải nói với Pháp Thân đại sĩ. Họ đều đã kiến tánh, nói với họ thì họ mới có thể thấu hiểu, vì đó chính là cảnh giới của họ. Hễ chưa minh tâm kiến tánh, chúng ta cũng chỉ là nghe nói sao bèn biết như vậy mà thôi, rốt cuộc chẳng phải là cảnh giới của bản thân chúng ta, không có cách nào đạt đến được. Đây là lý do vì sao kinh điển phải giảng về khổ, vui, phải nói tới hai thế giới khác nhau, bảo chúng ta hãy nhàm chán Sa Bà, ưa cầu Cực Lạc. Dù thấy những lời ấy hoàn toàn để nói với lũ phàm phu chúng ta, chúng ta phải hiểu đó là đức Phật nói phương tiện; nhưng cách nói phương tiện này thật sự hữu ích đối với chúng ta, có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Trong pháp giới bình đẳng, đương nhiên chán và ưa cũng chẳng có, nhiễm và tịnh cũng chẳng có, há còn có Chiết và Nhiếp nữa ư? Đương nhiên chẳng nói tới! Vẫn là trước hết nói Chân, rồi mới kéo lui cảnh giới lại, nói về cảnh giới hiện tiền của chúng ta.

Hiện thời, chúng ta là phàm phu sanh tử, tự mình phải thừa nhận điều này. Tuy sanh tử là hư vọng, chẳng chân thật, nhưng chúng ta giống



như đang nằm mộng, cảm thấy nó rất thật, chẳng thấy được nó là giả. Trong giấc mộng, bản thân quý vị cũng chẳng biết mình đang nằm mộng, trong mộng có khổ, có vui, quý vị phải hứng chịu giống hệt. Nếu trong khi đang nằm mộng mà hiểu là ta đang nằm mộng, mộng là giả, trong mộng có thể coi nó thoải mái là giấc mộng, quý vị sẽ rất vui sướng, du hí trong mộng mà! Trong mộng có cọp đến xoi quý vị, chẳng sao cả! Ta cho nó xoi, phát tâm lòng từ bi ấy, nhưng quý vị cũng bận tâm. Vì sao? Quý vị biết tất cả đều chẳng thật, cọp cũng chẳng phải là thật, là do mộng biến hiện, chính mình cũng là mộng cảnh biến hiện, cho nên quý vị ung chịu, chẳng bận tâm. Quý vị chẳng biết là mộng cảnh, sẽ sanh tâm hoảng sợ, sanh phiền não. Vì thế, người giác ngộ và người chưa giác ngộ khác nhau! Nay chúng ta bất giác, chưa giác bèn có sanh, có tử, mà sanh tử quả thật là vấn đề lớn nhất, nghiêm trọng nhất, nên gọi là “*sanh tử đại sự*”.

Mấy câu dưới đây nói về căn nguyên sanh tử, “*mê tâm trục cảnh*”, bốn chữ này là nguồn cội của sanh tử. Vì sao có lục đạo luân hồi? Tổ sư nói toạc ra cho chúng ta biết: Nếu tâm chúng ta chẳng mê, chẳng đuổi theo cảnh giới bên ngoài, sẽ chẳng có sanh tử!

***(Diễn) Mê tâm trục cảnh giả, bất tri tâm chi bản không, tòng thí kịp chung, niệm niệm sanh diệt, thị vị mê tâm.***

(演)迷心逐境者，不知心之本空，從始洎終，念念生滅，是謂迷心。

***(Diễn: Mê tâm đuổi theo cảnh, chẳng biết tâm vốn là không, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, đó là mê tâm).***

“*Mê tâm*” là sanh diệt tâm.

***(Diễn) Bất thức cảnh chi bản tịch.***

(演)不識境之本寂。

***(Diễn: Chẳng biết cảnh vốn vắng lặng).***

“*Cảnh*” là cảnh giới bên ngoài, “*tịch*” nghĩa là rỗng không, bản thể của nó chính là Không.

***(Diễn) Tùy trục lục trần, đối cảnh tạo nghiệp, thị vị trục cảnh.***

(演) 隨逐六塵，對境造業，是謂逐境。

(*Diễn*: *Chạy theo sáu trần, đối cảnh tạo nghiệp thì gọi là “đuổi theo cảnh”*).

“*Mê tâm*” là chẳng nhận biết chính mình, chẳng liễu giải chính mình. “*Trục cảnh*” là chẳng liễu giải cảnh giới bên ngoài. Trong lần ngoài đều mê; do vậy mới có sanh tử luân hồi. Sự giáo học của Phật pháp nhằm phá tan cả hai cái ả mê muội này, [khiến cho] trong lần ngoài đều giác. Tôi vừa mới nói lảm lòi như vậy, nhưng đều là nói về tâm. Tâm là thanh tịnh, trong tâm chẳng có một vọng niệm nào. Trong chân tâm không có vọng niệm. Thưa quý vị, bản thể của cảnh giới là Không. Đây chẳng phải là nói “cảnh giới tiêu mất mới là Không”. Chẳng phải vậy! Mà [là nói] bản thể của nó chính là Không.

Nhưng hiện thời chúng ta không có cách nào chứng thực tướng cảnh giới chân thật này, vì sao chẳng thể chứng thực? Tâm chúng ta chẳng Không! Vì thế, quý vị thấy cảnh giới dường như là chân thật, mà cũng chẳng Không. Khi nào tâm của quý vị đã là Không, ngoại cảnh cũng là Không. Tâm Không, cảnh Không, kinh Hoa Nghiêm nói đó là “*Sự Sự vô ngại*”. Vách tường ở đây chúng ta có thể xuyên qua hay chẳng? Đương nhiên có thể xuyên qua, vì sao? Thân thể của chúng ta là Không, bản thể của nó là Không. Bản thể của tường cũng là Không. Không và Không chẳng trở ngại lẫn nhau, thần thông có nguyên lý như vậy đó. Nay chúng ta vì sao không thể xuyên qua được? Chúng ta ngỡ thân thể là thật, nghĩ vách tường cũng là thật, chẳng xuyên qua được! Quả thật là như thế!

Trong quá khứ, khi còn đang cầu học, thầy dạy chúng tôi một phương pháp, bảo tôi hãy thí nghiệm. Thầy nói: Khi anh nằm mộng, có lúc nhận biết mình đang nằm mộng. Nếu nhận biết tình hình ấy, anh có thể làm thí nghiệm. Mộng là giả, vách tường cũng là giả, thân ta cũng là giả, đừng phải [tường vách] có xuyên qua được hay chẳng? Quả nhiên là vừa đừng phải bèn xuyên qua được. Vì sao? Vì quý vị biết nó là giả, giả và giả chẳng trở ngại lẫn nhau. Hiện thời chúng ta không có cách nào quán thân thành Không, quán thành Giả, mà cũng chẳng có cách nào quán vách tường thành Không, hay Giả. Vì thế, hễ anh đừng phải liền đừng đến vỡ đầu tuôn máu mà vẫn chẳng xuyên qua được! Thật sự đạt đến cảnh giới này, sẽ xuyên qua được. Vì sao chúng ta không xuyên qua được? Vì quý vị có tâm, có ý niệm. Hễ thật sự đạt đến vô niệm thì sẽ

được. Vì thế, chuyện này chẳng có gì là phi phạm, mà là một thứ năng lực vật vãn!

Qua truyện ký, chúng ta thấy lão hòa thượng Hư Vân có kinh nghiệm ấy, pháp sư Viên Anh cũng có kinh nghiệm đó. Trong lời tựa của bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Ký, pháp sư Viên Anh kể: Có một lần Ngài đang tịnh tọa trong liêu phòng, khóa cửa lại, chẳng cho người khác quấy nhiễu. Ngồi một lúc, chợt nghĩ đến chuyện gì đó bèn bước ra, nhưng Ngài hoàn toàn chẳng nghĩ là cửa đã khóa, cứ đi ra, đi ra xong, chợt nhớ lại, ta chưa mở cửa, nhìn lại thì quả nhiên cửa đã đóng, làm sao ta đi ra được? Trong sát-na ấy, Ngài không có ý niệm gì, vô tâm, vô niệm, liền đi qua được. Thật ra, hoàn toàn chẳng phải là thần thông, Ngài không có năng lực ấy. Trong lúc vô niệm, quên mất cái thân, mà cửa cũng quên luôn, cửa đóng chặt chưa mở mà vẫn đi ra được. Nếu Ngài có một niệm nghĩ đến cái thân, nghĩ đến cái cửa, ắt Ngài phải mở cửa mới đi ra được. Cửa chẳng mở, Ngài sẽ chẳng bước ra được! Quý vị nghĩ xem có phải là cảnh chuyển theo tâm hay chẳng?

Tâm chuyển theo cảnh là phạm phu. Ngày nay qua báo chí, chúng ta thấy nhân viên ngân hàng thụt két đều là do mắc lừa bởi những kẻ giả danh quý thân, bị ngoại cảnh xoay chuyển. Phong Thủy, tướng mạo có hay không? Thật sự có, nhưng những thứ ấy có thể biến đổi theo tâm của chính mình, tướng chuyển theo tâm mà! Tâm quý vị thay đổi, tướng sẽ thay đổi, mạo cũng thay đổi, Phong Thủy cũng thay đổi theo. Chỉ có kẻ ngu si mới cầm tiền đưa cho thầy Phong Thủy xin giúp sửa đổi Phong Thủy. Có đổi được hay không? Tuyệt đối chẳng thể thay đổi được! Thay đổi từ chỗ nào? Thay đổi từ tâm địa của quý vị thì mới thật sự có thể thay đổi. Không chỉ những kẻ ấy chẳng có năng lực thay đổi, mà thiên thần, quý thân, chư Phật, Bồ Tát cũng đều chẳng có năng lực giúp quý vị thay đổi. Phật, Bồ Tát bảo cho quý vị biết nguyên lý là muốn cho quý vị thay đổi vận mạng của chính mình, nhất định phải hiểu đạo lý này!

Trong Phật pháp, chắc chắn không có mê tín. Do vậy, trước hết, quý vị phải tạo dựng lòng tự tín, từ cái tâm mê mà khai ngộ, sau đây sẽ được thụ dụng tự tại nơi cảnh giới, chẳng cần phải theo đuổi. Nói “thụ dụng tự tại” là tâm có thể an trụ trong cảnh giới, phú quý thì yên phận phú quý, nghèo hèn bèn yên phận nghèo hèn. Đó là đạo. Muốn thay đổi hoàn cảnh của chính mình cho tốt đẹp hơn, ắt phải thay đổi từ nội tâm thì mới có hạnh phúc thật sự, chẳng cầu hết thầy quý thân giúp đỡ, đây mới là chánh pháp. Chúng ta đánh mất lòng tin nơi chính mình, đến khắp

nơi cầu quỷ thần, cầu Phật, cầu Bồ Tát, toàn là “*mê tâm chạy theo cảnh*”, chắc chắn chẳng thể vượt thoát sanh tử luân hồi.

“*Đầu xuất, đầu một*” (thoạt vào, thoạt ra) là thăng trầm trong lục đạo, tạo thiện nghiệp bèn thọ sanh trong ba đường lành, tạo ác nghiệp bèn thọ báo trong ba đường ác. Quả báo thiện - ác chẳng sai mảy may. Thường nói: Con người trước lúc bốn mươi tuổi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của nghiệp lực đời trước. Trước khi đầy bốn mươi tuổi bèn chịu quả báo của đời trước. Có những kẻ tuổi trẻ phát đạt, đó là do phước báo từ đời trước. Nếu kẻ ấy lúc phát đạt bèn làm càn làm quấy, chẳng làm chuyện tốt, từ tuổi trung niên trở đi sẽ dần dần suy bại. Thậm chí đến tuổi xế chiều suy sụp chẳng kham, hết sức đáng thương! Do đời này chẳng tu đầy! Phước báo thuộc đời trước, đời này nhất định phải thật sự tu tập tốt đẹp thì tuổi già mới thông dong. Do vậy, từ bốn mươi tuổi trở đi, sẽ chịu ảnh hưởng to lớn bởi [nghiệp lực trong] đời này, sức mạnh của [nghiệp lực] đời trước rất yếu mỏng. Vì thế, tuổi bốn mươi có chuyển biến rất lớn! Tuổi già tốt đẹp là do đời này tu tập, tuổi trẻ tốt đẹp là do đời trước tu tập. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Chính mình nắm giữ vận mạng trong tay, vận mạng do chính mình sáng tạo, chính mình kiến lập, nhất định phải hiểu đạo lý này.

Không chỉ chớ nên làm chuyện ác, mà ý niệm ác cũng chớ nên khởi lên. Vì vậy, pháp môn này dạy chúng ta đổi mọi khởi tâm động niệm thành A Di Đà Phật, dùng phương pháp này để tu cái tâm thanh tịnh, cái tâm bình đẳng của chúng ta. Nói thông thường, con người sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng giác ngộ, chẳng nghĩ xuất ly, những người như vậy chiếm số lượng rất lớn. Vì thế, nhân duyên được nghe pháp khá khó khăn, trong kinh, đức Phật đã từng nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Được làm thân người, được nghe Phật pháp là có cơ hội thoát lìa sanh tử, vượt thoát luân hồi. Nếu quý vị chẳng được nghe Phật pháp, sẽ chẳng có cơ hội ấy.

Người trong thế gian chẳng nghe Phật pháp, chỉ biết sanh lên trời là tốt đẹp, [cho đó] là tối thượng thừa. Mức độ thấp hơn là chuẩn bị làm quý, muốn làm một con quý có phước báo! Lúc còn sống, thấy tuổi tác đã cao, bèn làm như thế nào? Đốt giấy tiền vàng mã nhiều một chút, chuẩn bị cho tương lai chết đi làm quý sẽ có cái để tiêu dùng thoải mái. Kẻ ấy chuẩn bị sẵn tài sản trong ngục quỷ đạo, đã dự bị cho chính mình ở trong ấy. Trong tương lai, đọa lạc trong quỷ đạo có thể hưởng thụ hay chẳng? Rất khó đảm bảo! Những kẻ đó đều là ngu si! Rành rành có lục đạo, vì sao lại tính làm quý sau khi chết? Vì sao chẳng tính toán hồng

đời sau lại được làm thân người, lại hưởng phú quý trong nhân gian, mà cam tâm tình nguyện làm quỷ? Toàn là ngu si! Tệ hơn nữa còn có địa ngục và súc sanh. Vì thế, phải biết luân hồi trong lục đạo đáng sợ, thật sự đáng sợ! Sanh lên trời chẳng dễ dàng, phải có đủ tư cách để sanh lên trời. Có một biện pháp để vượt thoát luân hồi lục đạo là tu pháp môn này, đối nghiệp vãng sanh, tu các pháp môn khác rất khó!

Nay đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp, có thể nói là thế gian này tà tri tà kiến đã đầy ắp cả xã hội. Đối với người học Phật mà nói thì là gặp khó khăn, bị quấy nhiễu rất lớn, mà cũng gặp chướng ngại rất lớn, chẳng dễ gì thành tựu! Hiện thời, ngay cả một đạo tràng thanh tịnh mà chúng ta tìm mãi không ra. Nói tới “đạo tràng thanh tịnh”, đó là đạo tràng chuyên tu một pháp môn, quyết định có thể thành công. Nếu trong một đạo tràng có mấy pháp môn, đâu thường xuyên giảng kinh, nhưng không giảng một thứ, các thứ kinh luận đều giảng, đạo tràng ấy chẳng thanh tịnh. Đạo tràng giảng kinh của cổ nhân chuyên hoằng dương một bộ kinh, giảng xong một bộ liền bắt đầu giảng lại từ đầu. Đó gọi là “đạo tràng thanh tịnh”.

Qua truyện ký, chúng ta thấy Thanh Lương quốc sư giảng kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm có phân lượng thật lớn! Lão nhân gia cả đời giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lần. Tôi bắt đầu giảng từ năm Dân Quốc 60 (1971) đến nay là năm Dân Quốc 75 (1986), vẫn chưa giảng xong một lần! Lão nhân gia giảng năm mươi lần như thế nào? Đạo tràng của Ngài thù thắng, mỗi ngày giảng tám tiếng đồng hồ. Sự tu hành trong tự viện xưa kia đúng là khác hẳn [hiện thời], ai đến ở trong đó ba năm nhất định sẽ thay đổi hình dạng, vì sao? Người ta công khóa mỗi ngày mười sáu tiếng đồng hồ, vào giảng đường nghe giảng tám tiếng đồng hồ, đó là Giải Môn. Tám tiếng tu hành, tu hành thông thường gồm hai loại: Một là niệm Phật, hai là tham Thiền. Niệm Phật là Niệm Phật Đường, tham Thiền là Thiền Đường. Tám tiếng đồng hồ tịnh tọa hay chạy hương<sup>2</sup> trong Thiền Đường, tám tiếng đồng hồ nghe kinh, thời gian

---

<sup>2</sup> Chạy hương (bảo hương) là một trong bốn quy củ của Thiền Đường, nhất là trong Thiền Thất: Hành hương, bảo hương, tọa hương và tham Thoại Đầu. Hành hương là bước nhanh, bảo hương là đi rảo thật nhanh, gần như chạy lúp xúp, tọa hương là tịnh tọa. Sở dĩ ba quy củ này đều có chữ Hương vì dùng thời gian tàn một nén nhang làm hạn (một cây nhang dài cháy hết trong vòng một tiếng cho đến một tiếng rưỡi). Theo pháp sư Tâm Đạo, Bảo Hương có từ thời hoàng đế Ung Chánh nhà Thanh. Vua Ung Chánh đặc biệt kính ngưỡng quốc sư Ngọc Lâm. Sau khi ngài Ngọc Lâm viên tịch, có pháp sư Thiên Huệ từ chùa Cao Môn vâng chỉ tiến kinh đàm Thiền. Qua đối đáp, vua thấy Thiên Huệ hầu như chẳng lãnh hội được ý chỉ của ngài Ngọc Lâm, bực tức

còn sót lại để ăn cơm, giặt quần áo, ngủ nghỉ. Vì thế, không có thời gian để suy xằng nghĩ bậy.

Một ngày tám tiếng đồng hồ thì chúng ta tính xem, một năm là giảng xong rồi! Một bộ kinh Hoa Nghiêm có thể giảng viên mãn. Giảng một bộ kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối là ba ngàn giờ. Do vậy, vừa khít một năm. Lão nhân gia giảng năm mươi lần là giảng năm mươi năm, Ngài rất thọ, sống hơn trăm tuổi. Bộ kinh lớn là như thế, mà một bộ kinh nhỏ cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Có nhiều vị tổ sư của Tịnh Độ Tông suốt đời chuyên giảng kinh Di Đà, giảng mấy trăm lần, tức là cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Như ngài Trí Giả chuyên giảng kinh Pháp Hoa trên núi Thiên Thai, “*cửu tuần đàm diệu*” (đàm luận lẽ huyền diệu trong chín mươi ngày), người đời sau truyền tụng là “*mỹ đàm*” (giảng giải hay khéo), chỉ giảng tựa đề kinh Pháp Hoa đã giảng đến ba tháng. Trong đạo tràng thưở trước, một bộ kinh giảng xong bèn giảng lại từ đầu, nay chúng tôi cũng bắt chước cổ nhân: Giảng xong một biên Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, sẽ bắt đầu giảng lại từ đầu. Đạo tràng của chúng ta giảng bộ kinh này, ngày Chủ Nhật mọi người cùng nhau niệm Phật cộng tu. Nói chung, có thể coi đạo tràng của chúng ta là một đạo tràng thanh tịnh, quý vị nhất định phải khéo duy trì, bảo vệ, [đạo tràng này] hết sức khó có!

Chẳng thỉnh pháp sư bên ngoài tới giảng là có đạo lý, vì nếu thỉnh sẽ như thế nào? Nhiều loạn tín niệm của mọi người. Vị ấy giảng một pháp môn khác, giảng một phương pháp khác, chúng ta nghe xong sẽ ra sao? Rốt cuộc là có nên học theo hay không? Vì thế, khi có người khác đến giảng, công phu của chúng ta bị gián đoạn, bị xen tạp, chẳng thuần, có chướng ngại rất lớn đối với sự thành tựu trong tu học của chúng ta. Vì nguyên nhân này, nhất định chẳng thể thỉnh người khác đến giảng. Đồng thời, tôi quyết định chẳng thể giảng kinh điển khác, chỉ có thể giảng một

---

quờ: “Người còn biết gì về tông chỉ của quốc sư Ngọc Lâm hay chăng?” Sư ngây người, không trả lời được. Do vậy, vua hạ lệnh Sư phải ngồi Thiền bảy ngày trong cung, tham cho thấu công án; nếu không, sẽ chém đầu ngay lập tức. Thiền Huệ tham Thiền suốt sáu ngày không thấu triệt, đến hôm cuối cùng, túng quá, chạy quanh Thiền Đường, chạy đến nổi gần như mê đi, té lăn ra, va đầu vào cột, liền tỉnh ngộ, trở về trả lời câu hỏi của vua. Vua hứa khả, từ đây Thiền môn lập ra quy chế Bảo Hương. Cũng từ câu chuyện này, có thuyết nói, hương bản dùng trong Thiền Đường để cảnh tỉnh Thiền giả hiện thời chính là phỏng theo hình cây kiếm gỗ cầm trong tay của người lính canh chờ hết thời hạn bảy ngày sẽ chém đầu sư Thiền Huệ. Hiện thời, Bảo Hương thường được áp dụng sau khi ăn cơm, hoặc sau khi ngồi Thiền. Tuy gọi là “chạy”, nhưng chỉ là rào bước nhanh, lẹ hơn so với hành hương (đi kinh hành).

bộ này, khiến cho mọi người nhất tâm nhất ý tu học, như vậy thì mới có thành tựu, mới thành tựu nhanh chóng, có thể chết sạch lòng mong ngóng, khăng khít tu học pháp môn này, trong thời gian ba năm, nhất định thành công.

Nhưng nói đến đây, quý vị cũng đừng sợ hãi, nhất định thành công, “vậy thì tôi đến đây, ba năm nữa sẽ phải chết, làm thế nào đây?” Ngay lập tức đánh trống rút lui, chẳng muốn đến nữa! Ba năm thành công, thưa quý vị, là sau ba năm nhất định có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi nào ra đi tùy thuộc quý vị, tự tại mà! Quý vị thích đi sớm một chút, được chứ, đi thành công! Thích ở lại thêm mấy năm cũng được, đó gọi là “sanh tử tự tại, thật sự liễu sanh tử”. Sanh tử tự tại, [tu tập chuyên nhất trong] thời gian ba năm là đủ rồi. Sở dĩ chúng ta tu học ba năm chẳng thể thành công là vì công phu gián đoạn, xen tạp, chẳng chuyên tâm, không sót sáng tu học. Do vậy, nhất định phải cảnh giác, biết luân hồi thật sự khổ sở, muốn cầu mong xuất ly.

Phật, Tổ đã thấy rõ ràng tình trạng hiện thời của chúng ta, dùng pháp môn phương tiện này để kích thích, cổ vũ chúng ta, hòng chúng ta chán nhàm Sa Bà (tức là muốn tách lìa lục đạo luân hồi), ưa cầu Cực Lạc; nhưng đây chỉ là pháp phương tiện, còn pháp chân thật thì sao? Nhất định phải làm cho quý vị ngộ nhập bình đẳng, đó là pháp chân thật. Chỗ khác biệt giữa pháp môn này và các pháp môn Đại Thừa khác là nó chia quá trình tu hành thành hai phần:

1) Trước tiên bảo quý vị hãy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Khi đến đó, chúng ta vẫn mang thân phận trời hay người, hoàn toàn chẳng phải là thành Phật. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là phàm phu, vẫn mang thân phận trời, người, vì sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư ở bên đó.

2) Sau khi đã đến đó, lại dạy quý vị chứng nhập pháp môn bình đẳng.

Vì thế, chia thành hai giai đoạn, không giống các pháp môn Đại Thừa khác! Những pháp môn Đại Thừa khác đều phải chứng nhập bình đẳng ở nơi đây, ví như Thiên Tông, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như vậy rồi thì mới có thể vượt thoát sanh tử luân hồi; nhưng trong thế gian này mà đòi hỏi nâng cảnh giới của chính mình lên cao ngàn ấy, chắc chắn không phải kẻ bình thường nào cũng đều có thể làm được. Về Lý thì nói thông suốt, nhưng trên thực tế thì chẳng làm được!

Tham Thiên, trước tiên, quý vị phải hiểu rõ Thiên là gì, cách tham như thế nào cũng phải hiểu rõ, quyết chẳng thể tu mù, luyện đui! Định

nghĩa của Thiền là “ngoài chẳng chấp trước, trong chẳng động tâm”. Nói “tham” [Thiền] là lìa cái tâm ý thức, người bình thường quyết chẳng thể làm được! Tâm ý thức là gì? Nói đơn giản, thức là tâm phân biệt. Trong hết thấy cảnh giới, chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, chẳng dùng cái tâm phân biệt, đó là “lìa thức”. Ý là chấp trước, Mạt Na là chấp trước: Nhân ngã chấp, pháp ngã chấp. Trong hết thấy các pháp chẳng chấp trước, tách lìa chấp trước là “lìa ý”. Tâm càng khó hơn nữa! Tâm là gì? Giữ ấn tượng. Quý vị hãy nghĩ xem: Thấy sắc, nghe tiếng mà chẳng giữ lại ấn tượng, quý vị có thể làm được hay chẳng? Chẳng dễ dàng! Lìa tâm ý thức, nói cách khác là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng, đó là tâm thanh tịnh, đó mới gọi là “tham Thiền”. Chúng ta có thể làm được hay không? Ngũ Dục, Lục Trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ bày ra trước mắt, thật sự chẳng động tâm hay không? Nếu vẫn còn động tâm thì nói cách khác, ngay cả Sơ Thiền quý vị cũng chẳng có tư cách, vì sao? Trong tam giới, quý vị vẫn còn trong Dục Giới, vẫn khởi tâm động niệm đối với Ngũ Dục, Lục Trần; Thiền chắc chắn chẳng thể thành tựu! Dầu có một chút Định, nhưng Định ấy vẫn chưa đạt đến mức, vẫn chưa đạt đến Sơ Thiền, chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này!

Chánh pháp và tà pháp, nói thật ra, chẳng khó phân biệt. Trong chánh pháp, không có tham, sân, si, mạn, tâm thanh tịnh. Trong tà pháp có ô nhiễm, kèm theo những thứ như tham, sân, si, danh vọng, lợi dưỡng. Dầu bản thân quý vị có công phu cao đến đâu đi nữa mà vẫn còn có cái tâm cầu danh cầu lợi, còn cái tâm lôi kéo tín đồ, còn có tâm làm chuyện náo nhiệt, thì là giả, là gạt người! Tâm địa thanh tịnh, tùy duyên, chứ không phan duyên, đó là chánh pháp. Trước hết, phải biện định chính mình đang tu tập chánh hay tà? Người khác tu tập, họ tu chánh hay tà chẳng liên quan gì đến ta, đó là chuyện của họ! Chính mình có đi theo đường tà hay không, điều này liên quan đến ta rất lớn! Vì vậy, biện định tà hay chánh là vì chính mình, chứ không vì người khác.

Chúng ta hãy suy nghĩ căn tánh của chính mình, có tư cách học Thiền hay chẳng? Bản thân tôi suy nghĩ, tôi không có tư cách, vì sao? Trong Ngũ Dục, Lục Trần, tôi khởi tâm động niệm! Những người học Thiền rất cao, tôi chỉ đành bội phục họ, họ có thể làm được, tôi làm chẳng được! Tôi tuyệt đối chẳng lừa gạt chính mình, tôi vẫn thật thà niệm Phật, cầu đời nghiệp vãng sanh. Thiền Tông không có đời nghiệp! Tôi cũng hiểu Mật đôi chút, tôi cũng chẳng dám học, vì sao? Quá cao! Học không nổi! Chương Gia đại sư truyền cho tôi một câu chú, tôi làm



không được. Ngài truyền cho tôi chú Lục Tự Đại Minh, tôi nghĩ rất nhiều đồng học đều biết niệm, nhưng biết niệm không có tác dụng, phải làm được (ý nói trì niệm đúng pháp) thì mới được! Chú ấy chẳng phải là hễ niệm bèn linh, mà là tâm chính mình phải tương ứng với chú. Vì thế, Mật pháp nói “tương ứng”; hễ chẳng tương ứng thì giống như miệng ca hát vậy, chẳng có tác dụng gì!

Ý nghĩa của chú Lục Tự Đại Minh là: “Giữ gìn sao cho thân tâm của chúng ta giống như hoa sen chẳng dính mảy trần!” Aum là thân, Mani là hoa sen, Padme là bảo trì, Hum là ý. Đây là văn phạm của ngoại quốc. Dịch theo cách hành văn của Trung Quốc sẽ là: Giữ gìn thân, ý (ý là tâm) giống như hoa sen. Hoa sen vượt khỏi bùn lầy, chẳng ô nhiễm! Bùn tượng trưng cho lục phàm; Ngũ Dục, Lục Trần, tượng trưng cho phàm phu, phía trên bùn còn có nước trong, nước tượng trưng cho tứ thánh. Mười pháp giới đều chẳng nhiễm, không chỉ chẳng nhiễm lục phàm, mà ngay cả tứ thánh cũng chẳng nhiễm. Nói cách khác, thế gian và xuất thế gian thấy đều chẳng nhiễm. Đó là gì? Nhất Chân pháp giới. Niệm câu chú này thì phải nâng cao cảnh giới của chính mình lên đến cảnh giới cao cả dường ấy. Vì thế, Mật pháp là miệng phải tụng chú, ý phải quán tưởng, tay phải kết ấn, tam mật tương ứng!

Tôi nghĩ pháp môn ấy quá phiền phức, chẳng dễ gì làm được, không thuận tiện như niệm Phật. Do vậy, nếu suy nghiệm kỹ càng nhiều pháp môn, sẽ thấy pháp môn này thuận tiện, ổn thỏa, thích đáng, chắc chắn chẳng “xôi hỏng, bỏng không”; bởi lẽ, các pháp môn khác ắt phải đạt đến cảnh giới kha khá, tâm thật sự chẳng nhiễm trần, mới có thể vượt thoát. Pháp môn này chẳng cần cảnh giới cao dường ấy, chỉ cần chế ngự phiền não. Phiền não chưa đoạn, chế ngự là được rồi! Chế phục phiền não, tôi nghĩ mỗi cá nhân chúng ta đều có thể làm được, đoạn phiền não chẳng phải là chuyện mỗi cá nhân đều có thể làm được. Đây là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Vì thế, chúng tôi chọn lựa pháp môn này là có lý, pháp môn này thật sự phổ độ.

Vì thế, đến chỗ này, tổ sư lại khuyến khích chúng ta lần nữa. Chúng ta giống như “*điền oa, tỉnh phụ*”. “*Phụ*” (鮒) là “*tức ngư*” (鯽魚: cá diếc), là một loại cá nhỏ sống trong giếng. Chúng ta nay là loại căn tánh ấy. Đối với hạng người có căn tánh ấy, hãy nhanh chóng cho nó một chút nước, nó có thể hít không khí, có thể sống sót là tốt rồi, chẳng

thể sánh với đại bàng kim xí điều (Garuda)<sup>3</sup> được! Chúng ta phải tự nhận rõ căn tánh của chính mình, phải nhận rõ hoàn cảnh sống hiện thời của chính mình. Trong vô lượng pháp môn, chúng ta chọn lấy một pháp môn thích đáng, thích hợp với căn tánh của mình, lại chẳng gây trở ngại quá lớn đối với hoàn cảnh hiện thực và hoàn cảnh sống của chính mình. Tu học như thế sẽ dễ dàng. Pháp môn này đặc biệt nói đến hai thứ cảnh giới khổ và lạc khác nhau.

**(Sớ) U<sup>1</sup> thị vô khổ lạc trung.**

(疏) 於是無苦樂中。

(Sớ: Do vậy, trong không có khổ và vui).

“Vô khổ lạc” là Nhất Chân, đây là cái vốn có.

**(Sớ) Thị khổ, thị lạc.**

(疏) 示苦示樂。

(Sớ: Thị hiện khổ vui).

“Thị” là thị hiện.

**(Sớ) Khổ dĩ chiết phục, lạc dĩ nhiếp thọ.**

(疏) 苦以折伏，樂以攝受。

(Sớ: Dùng khổ để chiết phục, dùng vui để nhiếp thọ).

---

<sup>3</sup> Garuda (kinh thường phiên âm là Ca Lô La, hoặc dịch nghĩa là đại bàng kim xí điều - 大鵬金翅鳥) là một loại chim rất to, thân người có sắc vàng óng, có khuôn mặt là mặt người, trắng bóng, nhưng có mỏ chim ưng, đầu đội vương miện, cánh vàng pha sắc đỏ, giống như vàng ròng. Sải cánh rất to, có thể quạt nước biển tách ra làm đôi để bắt rồng ăn thịt. Trong Mật Tông, Ca Lô La là vật để cưỡi của Bắc Phương Bất Không Thành Tụ Phật. Các chùa ở Thái, Lào, Miên, Miến thường tạc hình tượng Ca Lô La (người Thái hay Lào gọi trại thành Krut, còn tiếng Indonesia/Mã Lai gọi trại thành geroda) ở các đầu kèo đỡ mái chùa vừa để trang trí vừa bảo vệ chùa. Nam Dương và Thái Lan dùng hình tượng Ca Lô La làm biểu tượng quốc gia, nhưng hình tượng chim Ca Lô La trong quốc huy Nam Dương có hình chim thuần túy, sắc vàng óng, không phải là hình tượng mình người, có cánh và chân chim, sắc đỏ như trong quốc huy Thái Lan.

Từ trong cảnh giới khô mà chúng ta tỉnh ngộ, tiếp nhận sự nhiếp thọ của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

**(Sớ) Chiết tắc khích kỳ ngoan mê, nhi linh khởi yếm ly.**

(疏) 折則激其頑迷，而令起厭離。

(Sớ: Chiết là khích động kẻ u mê, bừng tỉnh, khiến họ khởi lòng chán lìa).

Dụng ý thuyết pháp của đức Phật là ở chỗ này, khích lệ chúng ta. Chúng ta thật sự liễu giải hoàn cảnh hiện thực thì mới phát tâm rời khỏi thế giới này.

**(Sớ) Nhiếp tắc dương kỳ giải đãi, nhi tử sanh hân nhạo.**

(疏) 攝則揚其懈怠，而俾生欣樂。

(Sớ: Nhiếp là cổ vũ khiến kẻ biếng nhác phấn chấn, ngộ hậu họ sẽ sanh lòng vui ưa).

Tinh tấn và giải đãi, đây cũng là hai thứ đối lập. Vì sao người ta giải đãi? Quý vị chẳng có hứng thú làm việc, đương nhiên sẽ giải đãi. Nếu quý vị thấy công việc rất hứng thú, chẳng cần người khác đốc thúc, quý vị sẽ ngày đêm đều chẳng gián đoạn. Ví như đi học trong nhà trường, đọc sách giáo khoa, nếu những thứ ấy quá sâu, chẳng dễ gì thấu hiểu, quý vị đọc thấy chẳng thú vị gì, bèn biếng nhác, chẳng muốn đọc nữa. Quý vị xem tiểu thuyết, bảo quý vị đừng xem, đến đêm vẫn lén lút xem, xem đến sáng bạch vẫn không mệt mỏi. Vì sao? Quý vị cảm thấy rất hứng thú. Hễ điều gì khiến quý vị hứng thú, quý vị sẽ quên tuốt mệt nhọc, tự nhiên tinh tấn. Nếu quý vị chẳng thông hiểu thứ gì, quý vị sẽ cảm thấy nhạt nhẽo, không có cách nào tinh tấn được!

Do điều này chúng ta học Phật, đối với pháp môn này, ắt phải bồi dưỡng hứng thú. Bồi dưỡng hứng thú từ chỗ nào? Lý giải! Thật sự lý giải sẽ có hứng thú. Do vậy, không có hứng thú, chẳng thể dấy khởi Phật hiệu, đều là vì thiếu lý giải, nhận thức chưa rõ rệt. Thật sự nhận biết rõ rệt, giống những vị tổ sư đại đức từ xưa đến nay, người ta mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, họ niệm mười vạn câu Phật hiệu ra sao? Hứng thú niệm, chẳng mệt, chẳng ngán! Nếu quý vị mệt mỏi, thiếu tinh thần, niệm Phật hiệu mấy câu tinh thần bèn khôi phục, quả thật là như thế! Đây là thật sự có nhận thức, thật sự hiểu rõ ý nghĩa ở trong đó. Vì

thế, càng niệm càng hoan hỷ. Kinh điển cũng giống như vậy, nếu quý vị thật sự nhập môn, sẽ thấy ý vị trong đó còn có sức hấp dẫn lớn hơn tiểu thuyết. Bản thân tôi cảm nhận được điều này!

Tôi đọc kinh cả trăm lần, ngàn lần vẫn không chán, tôi xem tiểu thuyết tới mười lần, hai mươi lần. Từ hai mươi lần trở lên không muốn xem nữa. Sức mạnh của nó chỉ có ngần ấy! Đây là nói những bộ tiểu thuyết trứ danh. Có những tác phẩm viết dở hơn một chút, đọc một lần xong chẳng muốn đọc lần thứ hai. Bốn bộ tiểu thuyết lớn<sup>4</sup> của Trung Quốc như Tam Quốc Diễn Nghĩa, Thủy Hử Truyện, Tây Du Ký, tôi có thể đọc mười lần những bộ tiểu thuyết trứ danh ấy. Đó là những sách tôi xem lúc nhỏ, thuở học Tiểu Học. Tôi học lên Sơ Trung (Trung Học đệ nhất cấp) không đọc nữa, chẳng còn hứng thú, chúng chẳng thể hấp dẫn tôi nữa! Nay xem kinh Phật khác hẳn. Kinh Phật là đọc lần nào cũng thấy thú vị, mỗi lượt xem đều có ý nghĩa mới, mỗi lượt xem đều có ngộ xứ. Đây mới là pháp hỷ sung mãn, ý nghĩa trong ấy không hề có cùng tận.

Từ lúc mới phát tâm, chúng ta đọc bộ kinh này, đọc mãi cho đến [chứng nhập địa vị] Đẳng Giác Bồ Tát vẫn đọc bộ kinh này, càng đọc càng thú vị, càng đọc càng thấy ý nghĩa trong ấy chẳng có cùng tận. Vì thế, chẳng thể giải đãi. Khi quý vị đọc mà chẳng thấy thú vị sẽ giải đãi. Quý vị đọc không thấy thú vị, đừng sợ, tuyệt đối chẳng phải là vừa mở đầu đọc mấy biến đã đọc thấy ý vị, giống như ăn cơm hay nhai thức ăn vậy, bình thường phải thông thả nhấm nháp thưởng thức hương vị, chứ [ăn theo kiểu] “nuốt trọn quả táo” chắc chắn sẽ chẳng thể phát hiện ý vị, phải đọc kỹ lưỡng, nhấm nạy đọc, quý vị mới phát hiện thú vị ở trong ấy, mới thật sự có ngộ xứ.

***(Sớ) Nhiên hậu, cứu tại nê đồ, thí hiềm ô uế, sạ văn tịnh diệu, tuấn khởi nguyện cầu. Thử đại hỏa tỵ, bỉ thanh lương trì, viêm thiêu chúng sanh bất đắc bất tỵ thử nhi xu bỉ hĩ. Phương tiện độ sanh, pháp tự ưng nhĩ. Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, đắc Vô Sanh Nhân, phương ngộ thử tâm bản lai bình đẳng.***

---

<sup>4</sup> Bốn bộ tiểu thuyết lớn của Trung Quốc, còn gọi là Tứ Đại Danh Trước, gồm Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, Thủy Hử Truyện của Thi Nại Am, Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân và Hồng Lôu Mộng của Tào Tuyết Cần. Ở đây, hòa thượng Tịnh Không không nhắc tới Hồng Lôu Mộng.

(疏)然後久在泥塗，始嫌污穢，乍聞淨妙，浚起願求。此大火聚，彼清涼池，炎燒眾生不得不避此而趨彼矣。方便度生，法自應爾，生彼國已，見佛聞法，得無生忍，方悟此心本來平等。

*(Sớ: Sau đấy, ở trong đường bùn lầy đã lâu mới hiềm ô uế, vừa nghe sự tịnh diệu, liền hăng hái nguyện cầu. Cõi này là đồng lửa lớn, cõi kia là ao thanh lương, chúng sanh bị lửa dữ thiêu đốt, chẳng thể không tránh né nơi này, hướng về nơi kia. Phương tiện độ sanh pháp vốn là như thế. Sanh sang cõi ấy rồi, thấy Phật, nghe pháp, đắc Vô Sanh Nhẫn, mới ngộ tâm này vốn sẵn bình đẳng).*

Đây là nhân duyên thứ ba. Đại ý của đoạn này là: Từ vô thủy kiếp đến nay chúng sanh luân hồi trong lục đạo của thế gian này, đời đời kiếp kiếp đều là như thế, đây cũng là phương thức sinh hoạt quen thuộc của chúng ta trong hiện tại. Thật ra, nếu suy nghĩ kỹ, lục đạo luân hồi rất đáng sợ. Vì sao? Đời sau tốt đẹp hơn đời này, quá ư là ít! Luân hồi là lần sau kém hơn lần trước, vì sao? Quý vị hãy suy nghĩ, sẽ thấy đạo lý này chẳng khó hiểu, chẳng khó lãnh hội, mỗi một đời chúng ta tạo bao nhiêu tội nghiệp? Đời đời tích lũy lại, có tăng, chứ chẳng giảm, cuộc sống của quý vị càng về sau có dễ sống hơn ư? Chẳng thể dễ sống được!

Thưa cùng quý vị, thứ tội nghiệp ấy chẳng tiêu được! Phật môn nói tiêu tai, có lý luận và phương pháp tiêu tai, nhưng hiện thời mọi người đều hiểu lầm, tưởng là đến cửa Phật lạy lục Phật, niệm Phật, làm Phật sự kinh sám sẽ tiêu những tai nạn ấy. Nếu tội nghiệp nặng nề, thỉnh mấy vị pháp sư lạy Lương Hoàng Sám có tiêu tội hay chẳng? Đâu có đơn giản như vậy! Quý vị thấy: Không những chẳng tiêu tai, mà tai nạn còn tăng thêm, vì sao? Sử dụng Phật pháp sai lạc, thật sự là khó khăn, chẳng hiểu lý mà! Làm lạc hiểu ý nghĩa theo mặt văn tự, ba đời chư Phật đều kêu oan uổng! Tiêu tai nạn từ chỗ nào? Tâm thanh tịnh. Tội từ tâm khởi, dùng tâm sám! Tâm quý vị mê, tâm ô nhiễm sẽ có vô lượng vô biên tai nạn, nhưng mê và nhiễm ấy mỗi đời sau càng nghiêm trọng hơn đời trước; vì thế, rất khó giác ngộ! Tâm thanh tịnh, tâm giác ngộ, tai nạn bèn tiêu trừ. Đạo lý ở chỗ này! Những vấn đề này trong phần chú giải kinh điển ở phần sau, sẽ lại thảo luận cặn kẽ.

Nay chúng ta mới nghe, “*sạ văn tịnh diệu*” (vừa nghe sự tịnh diệu), nghe nói tại Tây Phương có thế giới như vậy, có chỗ tốt lành như thế, chúng ta mới phát tâm cầu nguyện. Tiếp theo đó là tỷ dụ. Chữ “*thử*” chỉ thế giới của chúng ta, “*đại hỏa tụ*” (đồng lửa lớn) tỷ dụ phiền não, tỷ dụ tội chướng. “*Bỉ thanh lương trì*” (cối kia là ao nước trong mát), chữ “*bỉ*” chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới, là xứ sở thanh lương tự tại. “*Viêm thiêu chúng sanh bất đắc bất tự thử nhi xu bỉ hĩ*” (Chúng sanh bị ngọn lửa dữ thiêu đốt chẳng thể không tránh né cối này, hướng về cối kia), khuyên chúng ta hãy nên giác ngộ, phát tâm rời khỏi Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc. Phương thức y như cũ vẫn là pháp phương tiện, “*phương tiện độ sanh, pháp tự ưng nhĩ*”; [nghĩa là] pháp môn phương tiện lẽ đương nhiên là như thế!

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy Phật, nghe pháp, nói thật ra, đây mới là chính thức tu hành. Nay chúng ta tu Tây Phương Tịnh Độ có được tính là tu hành hay chẳng? Chẳng tính là thật sự tu hành! Chỉ tính là học chuẩn bị để thi vào trường (học luyện thi) mà thôi! Vào trường rồi mới chính thức theo học, hiện thời là công phu dự bị. Thật sự học Phật là học với ai? Học với A Di Đà Phật. Đến học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứ không phải ở nơi đây. Ở đây, chúng ta chỉ có một mục tiêu, tức là làm thế nào để đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà mục tiêu ấy nhất định phải hoàn thành trong một đời này, quyết định làm được! Người thật sự chiếu theo phương pháp này để tu hành, chúng tôi đã đích thân trông thấy, thật sự có người vãng sanh. Trong quá trình học Phật của tôi, thừa cùng quý vị, tôi thấy năm người đều là kẻ tại gia, chẳng giả tí nào, chẳng nhờ vào người khác trợ niệm để vãng sanh. Họ biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời. Cậy vào người khác trợ niệm thì chưa chắc, vẫn còn phải đánh dấu hỏi, rốt cuộc người ấy có thật sự vãng sanh hay chẳng, ai cũng chẳng dám nói [chắc chắn]. Chết rồi đem thiêu lưu lại xá-lợi hoặc lưu lại nhục thân, chỉ có thể chứng tỏ người ấy có chút công phu tu hành, chưa thể chứng minh người ấy đã vãng sanh. Xá-lợi thật sự sẽ kiên cố, chẳng thể nghiền nát được. Nếu xá-lợi mà dùng búa sắt đập liền vỡ, chẳng phải là chân thật. Ất cần phải biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, đây mới là thật, chẳng giả. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là khẩn yếu.

“*Kiến Phật văn pháp, đắc Vô Sanh Nhẫn*” ngộ Vô Sanh là minh tâm kiến tánh, là Lý nhất tâm bất loạn, mà cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong bốn cõi Tây Phương, hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh, khi ấy quý vị trở thành Pháp Thân đại sĩ, chẳng khác các vị Bồ Tát trong hội

Hoa Nghiêm. Tầng cấp ấy nhất định phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới hoàn thành được! Do vậy, chỗ khác biệt lớn nhất giữa pháp môn Tịnh Độ và các pháp môn khác là ở chỗ này, tức là chia thành hai giai đoạn để tu học: Giai đoạn thứ nhất là hiện thời giữ lấy Tây Phương Tịnh Độ, giai đoạn thứ hai là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới thành tựu. Những pháp môn khác không giống pháp môn này, phải thành tựu ở nơi đây! Điều này hết sức khó khăn. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây!